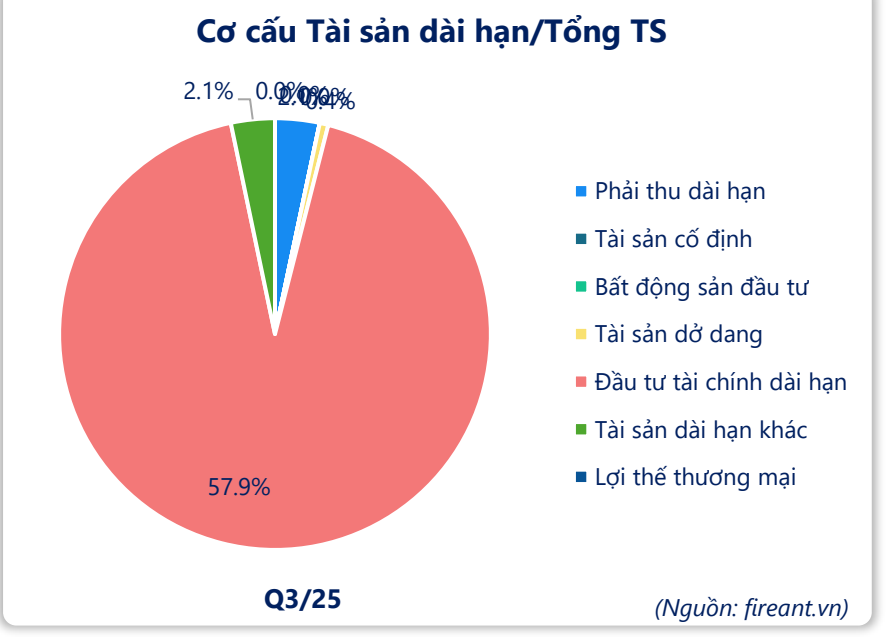
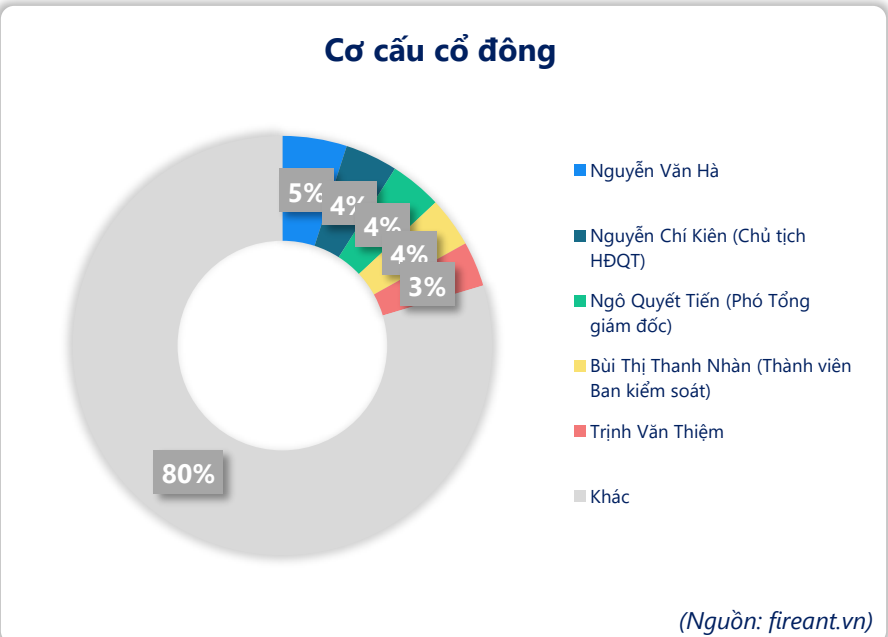
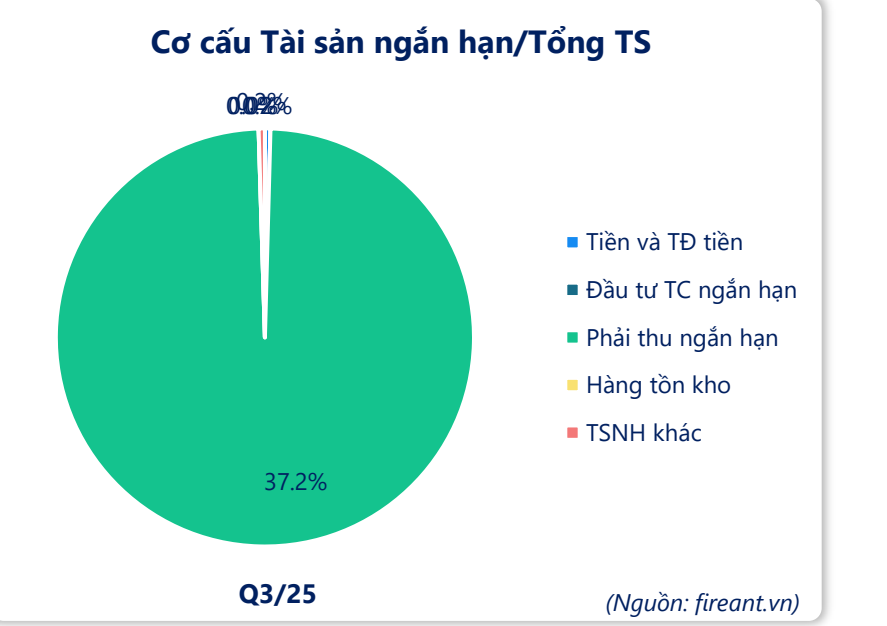
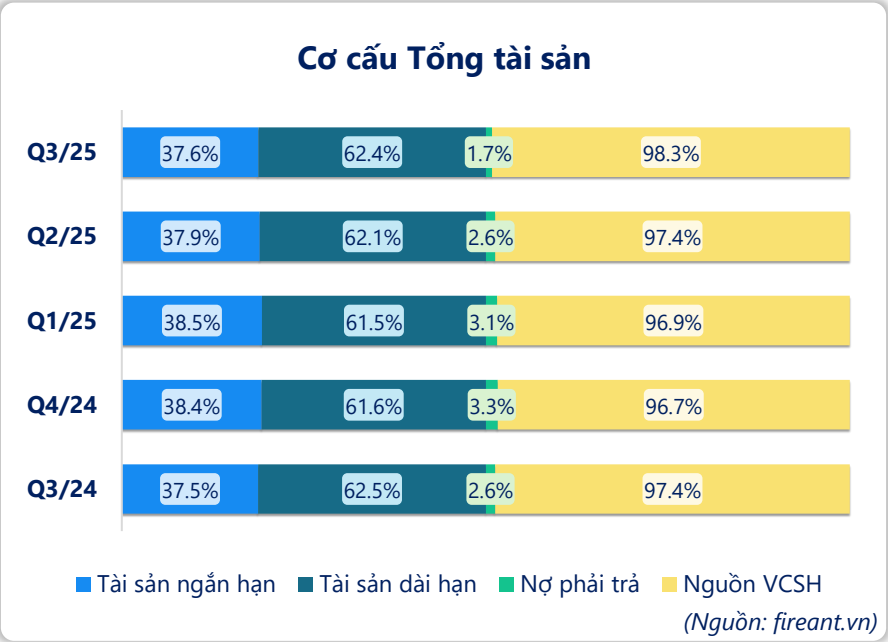
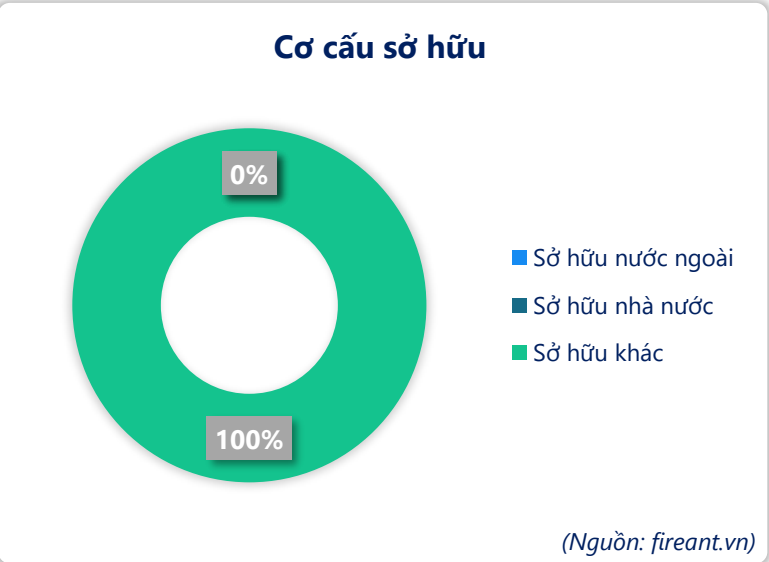
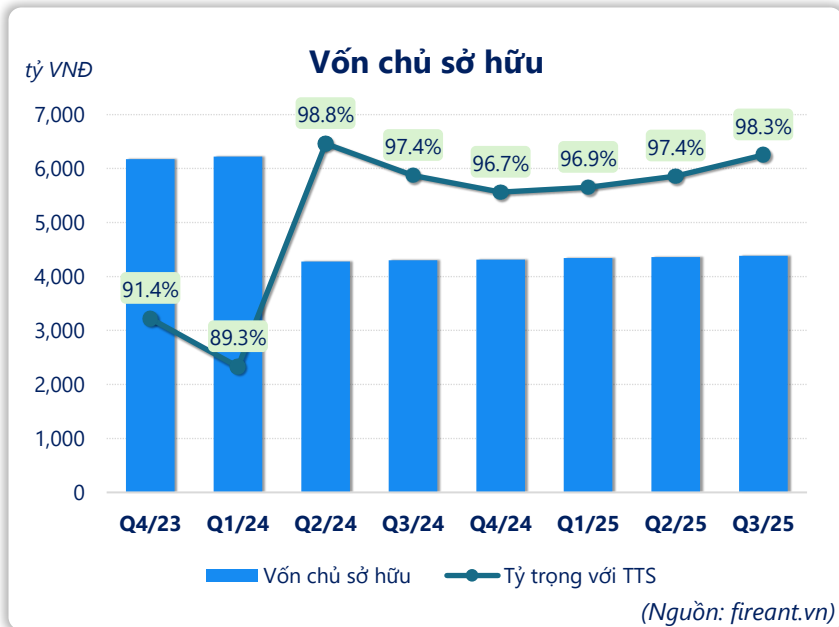
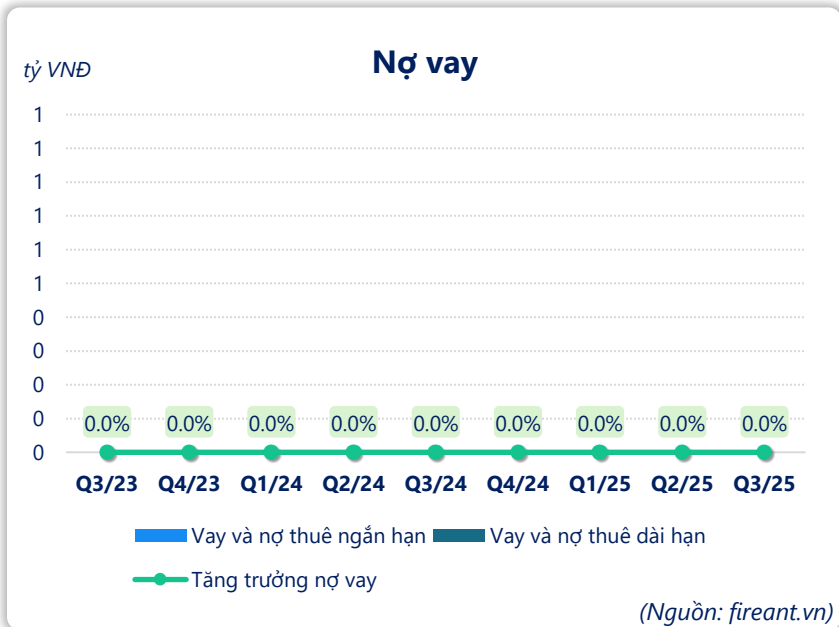
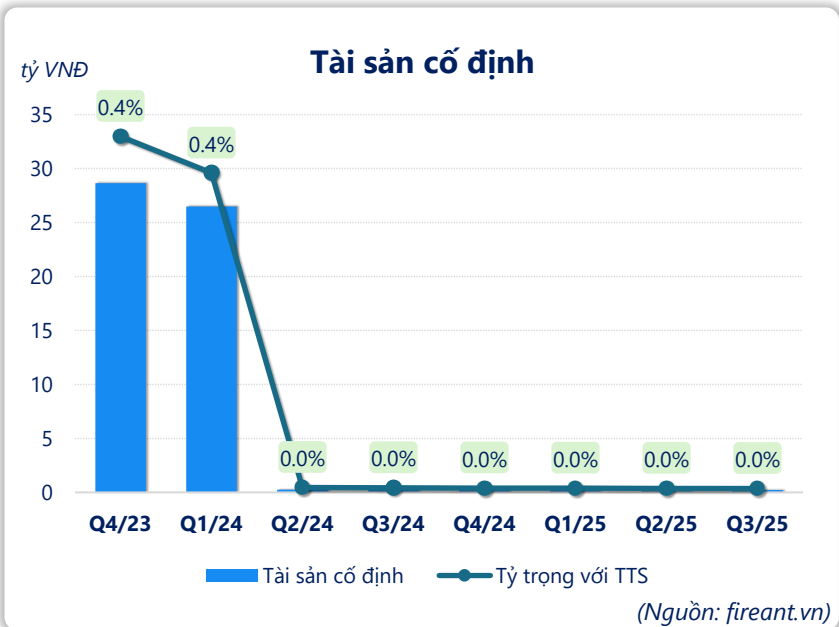
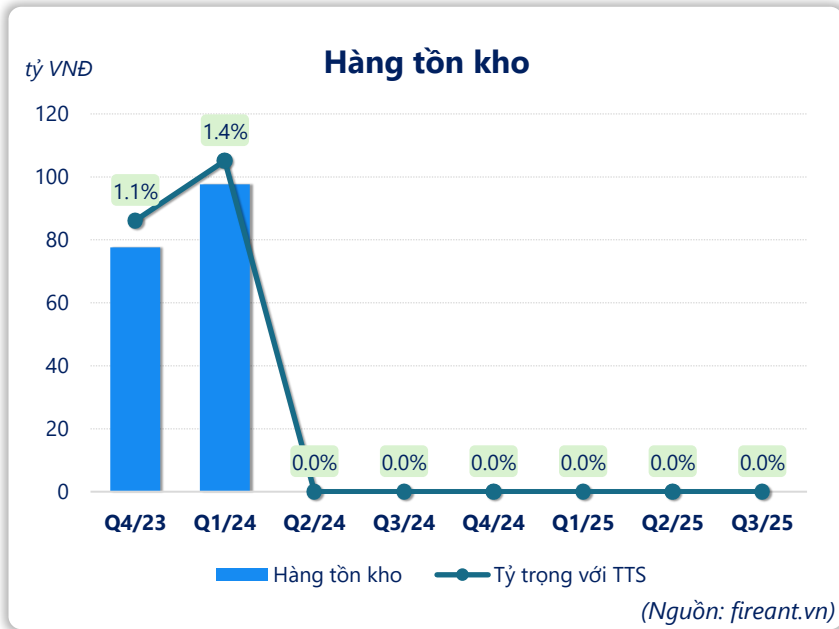
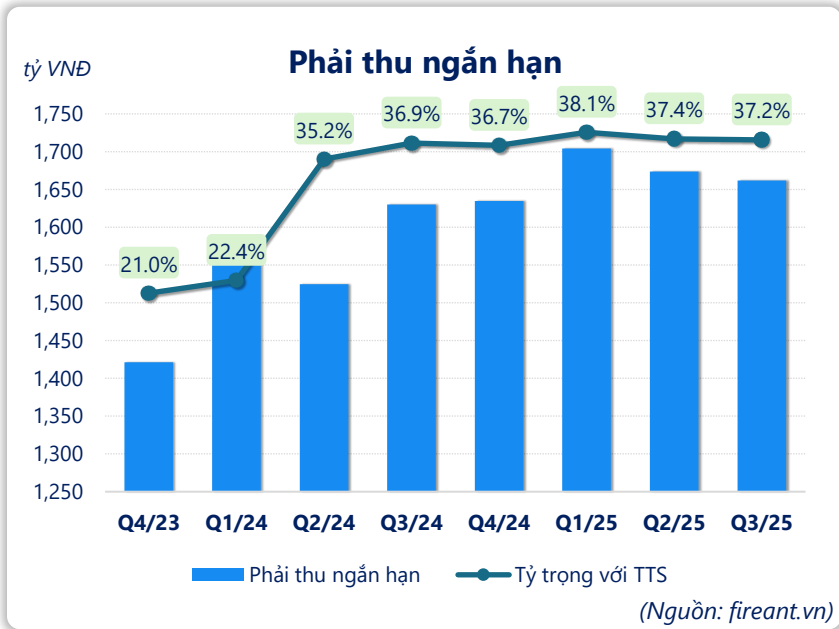
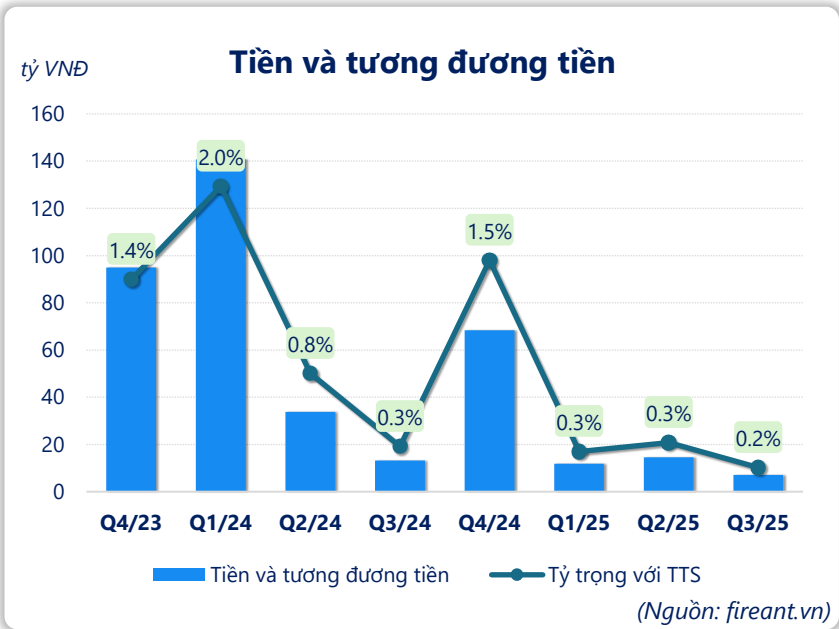
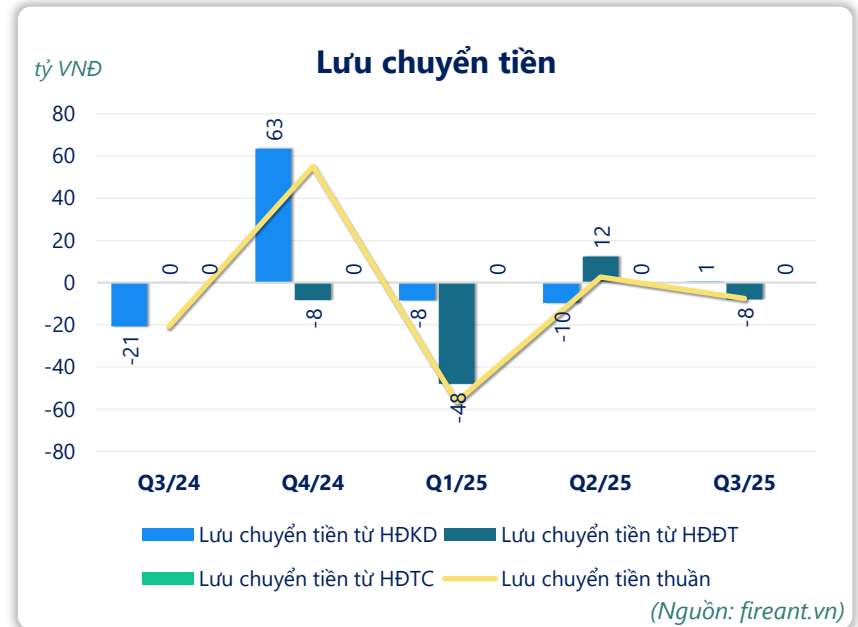
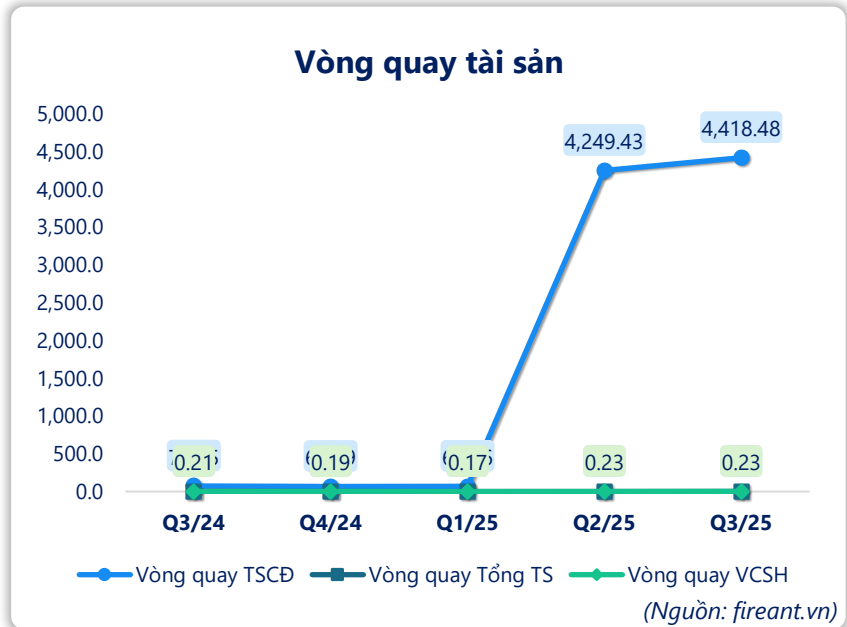
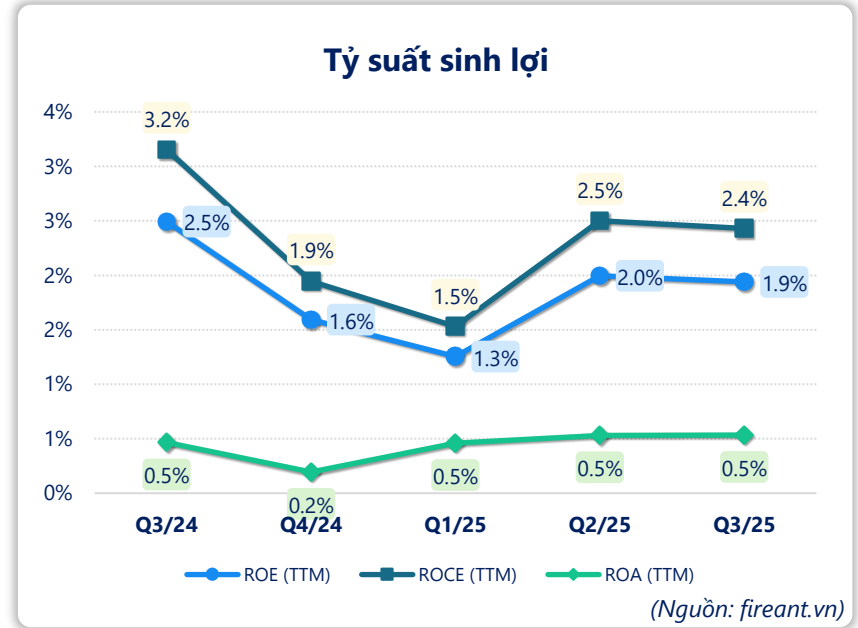
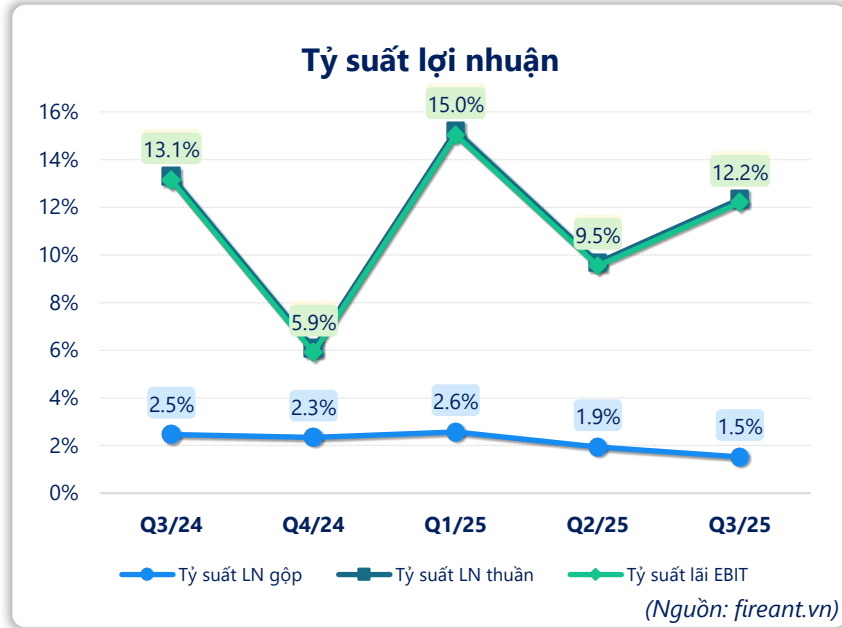
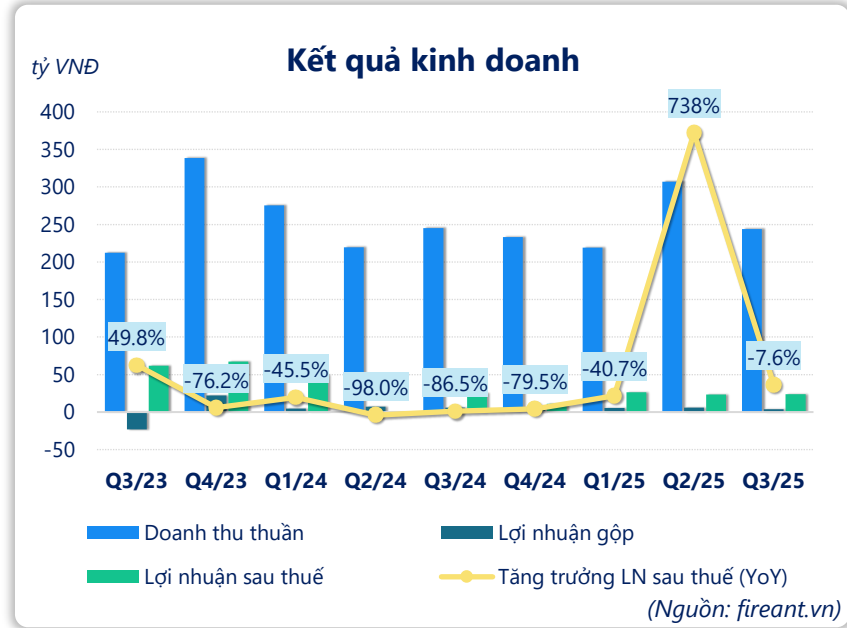


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,000
SL cổ phiếu LH		384,999,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,140
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		10,472
P/E		124.3
EPS		219

	YTD	1T	3T	6T
THD	-23.6%	4.6%	-2.5%	-10.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,463	4,460	0.1%
Tài sản ngắn hạn	1,677	1,714	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	7.13	68.3	-89.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,662	1,635	1.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	8.10	10.7	-24.3%
Tài sản dài hạn	2,786	2,746	1.5%
Phải thu dài hạn	92.7	92.7	0.0%
Tài sản cố định	0.21	0.24	-11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.9	17.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,584	2,533	2.0%
Tài sản dài hạn khác	91.6	102	-10.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.3	146	-47.8%
Nợ ngắn hạn	66.6	138	-51.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.9	101	-89.2%
Nợ dài hạn	9.65	7.97	21.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,387	4,314	1.7%
Vốn chủ sở hữu	4,387	4,314	1.7%
Vốn điều lệ	3,850	3,850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	245	233	219	307	244
Giá vốn hàng bán	239	228	214	301	240
Lợi nhuận gộp	6.04	5.45	5.63	5.95	3.71
Doanh thu HĐTC	25.6	26.0	24.0	21.9	24.9
Chi phí TC	-7.87	8.96	-10.1	-8.44	-6.18
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.51	0.74	0.50	0.56	0.51
Chi phí QLDN	6.44	7.54	5.90	6.05	4.20
LN thuần từ HĐKD	32.6	14.2	33.3	29.7	30.1
Lợi nhuận khác	-0.38	-0.38	-0.39	-0.38	-0.38
LN trước thuế	32.2	13.8	32.9	29.3	29.7
Lợi nhuận sau thuế	25.7	10.9	26.3	23.4	23.7
LNST của CĐ cty mẹ	25.7	10.9	26.3	23.4	23.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.7	63.4	-8.40	-9.70	0.55
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	-8.27	-48.0	12.4	-8.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	33.9	13.2	68.3	11.9	14.6
Lưu chuyển tiền thuần	-20.7	55.1	-56.4	2.66	-7.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	13.2	68.3	11.9	14.6	7.13

(Nguồn: fireant.vn)